| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **397**/2017/HNGĐ_ST
Ngày: 27/12/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai – Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh thành phố Biên Hòa
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường 05 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1565/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1981

Địa chỉ: B3, tầng 04, chung cư Thanh Bình, P.Thanh Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Y**, sinh năm 1983

Địa chỉ: A40, tổ 34, Kp.7, P.Tân Phong, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(bà X có đơn xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày:* Năm 2008, sau thời gian tìm hiểu bà và ông Y tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 18/9/2008, UBND phường Thanh Bình đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 029/HTUB, quyển số 01/2008 cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, khi về chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống hai bên không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc và thường xuyên cãi nhau. Dù hai bên nhiều lần tìm phương án hòa giải đoàn tụ nhưng đều không thành. Đến tháng 5/2017 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Y nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Nguyễn Văn Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của ông Y về việc giải quyết vụ án

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Y đối chiếu các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

Ông Y cư trú tại phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà X và ông Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn, ngày 18/9/2008, UBND phường Thanh Bình đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 029/HTUB, quyển số 01/2008 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định tình cảm giữa bà và ông Y đã không còn do có nhiều mâu thuẫn từ hai bên không cùng quan điểm sống. Nay bà X cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Y không đến Tòa án làm việc, không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy ông Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có. Ông Y không có ý kiến nên không có xác thực về lời khai của bà X. Do bà X xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các vấn đề này, nên không xét.

- Về án phí: bà Trần Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Y về việc tranh chấp ly hôn.

*Tuyên xử:*

Bà Trần Thị X, sinh năm 1981 ly hôn với ông Nguyễn Văn Y, sinh năm1983.

Về con chung, nợ chung, tài sản chung bà X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các bên đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 002101 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Minh Nhựt**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P.Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.